

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2025

“Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thường và bà Lê Thị Thanh Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Văn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2025/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2025 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992, vắng mặt.

Số căn cước công dân: 040192024214.

Địa chỉ: Khối Y, phường T (phường Q cũ), tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988, vắng mặt.

Số căn cước công dân: 040088018788.

Địa chỉ: Khối Y, phường T (phường Q cũ), tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn ngày 26/8/2015 tại UBND phường Q, thị xã H nay là UBND phường T trên cơ sở tự nguyện. Từ khi kết hôn vợ chồng sống chung được thời gian đầu. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mộc B, sinh ngày 07/02/2016 và Nguyễn Văn Minh Đ, sinh ngày 13/12/2017. Nếu ly chị xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung trên. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chị làm nghề làm tóc thu nhập mỗi tháng 15 triệu đồng.

Về tài sản: Chị đề nghị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ông Đậu Kim V tổ trưởng tổ An ninh cơ sở khối Y cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn ngày 26/8/2015 tại UBND phường Q. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không có tiếng nói chung.

Về con chung: Chị T, anh N có 02 con chung là Nguyễn Mộc B, sinh ngày 07/02/2016 và Nguyễn Văn Minh Đ, sinh ngày 13/12/2017. Từ trước đến nay chị T, anh N nuôi con vẫn đảm bảo điều kiện ăn ở, học hành, không có hiện tượng bạo hành con. Chị T làm nghề làm tóc thu nhập bao nhiêu thì ông không biết. Anh N làm nghề lái xe thu nhập bao nhiêu thì ông không biết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng trong vụ án là nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Mộc B, sinh ngày 07/02/2016 và Nguyễn Văn Minh Đ, sinh ngày 13/12/2017 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn N vì chị Nguyễn Thị T chưa yêu cầu. Anh Nguyễn Văn N được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn đăng ký thường trú tại phường T, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ nhưng bị đơn vẫn không trình bày ý kiến, đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02 lần vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N được UBND phường Q, thị xã H nay là UBND phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung. Từ khi mâu thuẫn cho đến nay gia đình hai bên tích cực khuyên bàn vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là có cơ sở nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh N có 02 con chung là Nguyễn Mộc B, sinh ngày 07/02/2016 và Nguyễn Văn Minh Đ, sinh ngày 13/12/2017. Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung trên. Mặt khác nguyện vọng của các cháu Nguyễn Mộc B và Nguyễn Văn M Đ đều mong muốn ở với mẹ. Từ trước đến nay con chung đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng vẫn đảm bảo điều kiện sinh hoạt và học hành của con. Vì vậy, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung trên là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh Nguyễn Văn N.

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Mộc B, sinh ngày 07/02/2016 và Nguyễn Văn Minh Đ, sinh ngày 13/12/2017 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn N vì chị Nguyễn Thị T chưa yêu cầu. Anh Nguyễn Văn N được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền

số 0004029 ngày 27/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai nay là Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4-Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND phường T;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn